

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Số: **908** /QĐ-STNMT-KHTC

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019
Nguồn kinh phí dịch vụ vệ sinh môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 3553/TB-STC-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Sở Tài chính về Thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 (Dịch vụ vệ sinh môi trường).

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước nguồn kinh phí dịch vụ vệ sinh môi trường năm 2019 (chi tiết theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Sở và Thủ trưởng các Phòng có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- BGĐ Sở;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, (8b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Toàn Thắng



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số **908** /QĐ-STNMT-KH ngày 11/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.599.066.929.218	1.599.066.929.218	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	-	-	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-		-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		-
2	Chi sự nghiệp môi trường	1.599.066.929.218	1.599.066.929.218	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-		-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.599.066.929.218	1.599.066.929.218	-

